

Số: 16/2022/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 14 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ CHÍN
(Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 211/TTr-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 9 và Điều 11 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 233/BC-KTNS ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai:

1. Khoản 1 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1- Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) Phân bổ tối đa 25% tổng vốn thực hiện tiểu dự án cho các cơ quan cấp tỉnh để thực hiện nội dung: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ; tối thiểu 75% tổng vốn cho cấp huyện để thực hiện nội dung: Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với diện tích rừng quy hoạch là rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho hộ gia đình, cộng đồng; Hỗ trợ trồng mới rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, lâm sản ngoài gỗ; Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng là rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ và rừng	0,004	a	0,004 x a

	sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.			
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng là rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.	0,004	b	$0,004 \times b$
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,01	c	$0,01 \times c$
	Tổng cộng điểm			Di

2. Khoản 2 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Vốn đầu tư của Tiểu dự án 2: Phân bổ 100% vốn đầu tư của Tiểu dự án 2 cho cấp huyện thực hiện dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý”.

3. Điểm a, điểm b khoản 3 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Hỗ trợ phát triển theo chuỗi giá trị: Phân bổ tối đa 15% tổng số vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có hoạt động sản xuất phạm vi liên huyện; tối thiểu 85% tổng số vốn cho cấp huyện. Việc phân bổ vốn ở cấp huyện cho các dự án trên địa bàn thuộc đối tượng được hỗ trợ theo điều kiện thực tế các dự án để phát huy hiệu quả đầu tư.

Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
I	Nhóm tiêu chí cơ bản:			
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	28	a	$28 \times a$
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (<i>số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã; không tính cho thôn đã hưởng chính sách tại dự án 9 của Chương trình</i>)	5	b	$5 \times b$
II	Nhóm tiêu chí ưu tiên:			
1	Xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã biên giới.	2	a	$2 \times a$
2	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn.	0,15	b	$0,15 \times b$
	Tổng cộng điểm			Di

b) Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Phân bổ 100% vốn cho cấp huyện thực hiện dự án trồng dược liệu quý.”

4. Điểm b khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Vốn sự nghiệp: Căn cứ chỉ tiêu, kế hoạch xóa mù chữ hằng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, phân bổ kinh phí Tiểu dự án 1 cho cấp huyện đủ để thực hiện xóa mù chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số. Phần còn lại phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo để mua sắm thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú”.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ chín (kỳ họp giải quyết công việc phát sinh) thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Kiểm toán nhà nước khu vực VII;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo, Báo Lào Cai, Đài PT-TH, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.

